

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-01-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, chia tài
sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sơn.

Bà Phan Hoàng Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 658/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Phạm Văn Khoái A, sinh năm 1931. (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 15/3, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Số 26 Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1940. (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 51/15B, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L đối với tranh chấp chia tài sản khi ly hôn: bà Phạm Thị Minh N, sinh năm 1972. (theo Giấy ủy quyền ngày 11/3/2021). (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 51/15B, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Minh N, sinh năm 1972. (Có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1969. (Có đơn xin vắng mặt).

3. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1969. (Có đơn xin vắng mặt).
4. Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1994. (Có đơn xin vắng mặt).
5. Ông Phạm Lê Trường B, sinh năm 2000. (Có đơn xin vắng mặt).
6. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1984. (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 51/15B, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Phạm Văn Khoái A có đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày như sau:

Ông và bà L sống chung vào khoảng năm 1960 – 1961, vợ chồng sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông và bà L sống riêng ở xã Mỹ Hòa Hưng, đến năm 1972 thì vợ chồng về bên gia đình của ông sinh sống, năm 1973 thì cha ông là ông Tứ chết, ông và bà L cất nhà ở riêng cặp sát vách nhà ông Tứ, nhà được cất trên phần diện tích 711m² mà hiện nay do con ông là Hà và Nguyệt và bà L đang sinh sống. Đến năm 1990, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà L thường xuyên bỏ nhà đi nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn và thời gian ly thân đã lâu nên ông yêu cầu ly hôn với bà L.

- Về con chung: có 05 con chung tên Phạm Chí T, sinh năm 1964, Phạm Thị Kim T, sinh năm 1965, Phạm Chí T, sinh năm 1967, Phạm Thanh H, sinh năm 1969, Phạm Thị Minh N, sinh năm 1972. Các con đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Khoái A tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 1962, vợ chồng có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông Khoái A sống hạnh phúc đến năm 1990 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Khoái A cờ bạc, đá gà và có quan hệ với người phụ nữ khác nên thường xuyên về nhà đánh đập bà nhiều lần. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà và ông Khoái A sống ly thân từ năm 1990 cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Khoái A yêu cầu ly hôn với bà, bà đồng ý.

- Về con chung: có 05 con chung là Phạm Chí T, sinh năm 1964, Phạm Thị Kim T, sinh ngày 06/5/1965, Phạm Chí T, sinh ngày 30/8/1967, Phạm Thanh H, sinh ngày 13/10/1968, Phạm Thị Minh N, sinh năm 1972. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L có nộp đơn phản tố ngày 07/5/2018, đơn phản tố bổ sung ngày 17/02/2020, đơn phản tố bổ sung ngày 11/11/2020 yêu cầu như sau:

+ Yêu cầu chia ½ diện tích 5.179,0m² đất ruộng, trong đó có 1.632m² là phần diện tích mà ông Khoái A đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A791673, sổ vào sổ 00960eA, thửa số 1726, tờ bản đồ số 02, loại đất 2L do UBND

thị xã Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 23/11/1993 cho ông Phạm Văn Khoái A, qua kết quả đo đạc thực tế là 1.268,7m², đất tọa lạc tại khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bà L yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, qua kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên lập ngày 11/11/2020 thì xác định được phần diện tích đất này bị thu hồi một phần diện tích 1526,4m² còn lại diện tích 3.652,6m², bà L yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích 3.652,6m² đất ruộng.

+ Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích 1.700m² đất vườn tạp, trên diện tích đất này có 02 căn nhà. Một căn nhà gỗ, mái tole, nền lát gạch và 01 căn nhà đang xây dựng dở dang. Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tiếp giáp với phần diện tích đất ruộng 5.179m²), đất tọa lạc tại khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

+ Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích 711m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 158665, số vào sổ H.015551A, thửa số 37, tờ bản đồ số 41, loại đất ở đô thị: 200m² và đất trồng cây lâu năm 511m² do UBND thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 18/10/2006 cho ông Phạm Văn Khoái A và bà Phạm Thị L là sai quy định nên sau đó UBND thành phố Long Xuyên đã tiến hành thu hồi Giấy chứng nhận, hiện nay phần diện tích đất này vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận, đất tọa lạc tại xã Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà L yêu cầu được nhận toàn bộ diện tích 711m², đồng ý hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho ông Khoái A vì bà L đã cất nhà và sinh sống ổn định từ khi kết hôn với ông Khoái A cho đến nay.

+ Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A791673, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00960eA do UBND thị xã Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 23/11/1993 cho ông Phạm Văn Khoái A, thửa đất số 1726, tờ bản đồ số 2, loại đất 2L, diện tích 1.632m², đất tọa lạc tại phường Mỹ Phước, thị xã Long Xuyên, tỉnh An Giang.

+ Đối với phần diện tích 5.179m² bị Nhà nước thu hồi một phần và bồi thường số tiền 1.200.000.000 đồng, bà L yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền trên, yêu cầu được nhận 600.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến ngày 10/01/2022, bà L có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố do bà và ông Phạm Văn Khoái A đã thỏa thuận xong việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo văn bản thỏa thuận ngày 30/12/2021 có chứng thực của UBND phường Mỹ Quý, xác nhận nội dung thỏa thuận giữa bà và ông Khoái A.

- Về nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn Khoái A đối với bà Nguyễn Thị Kim L. Về con chung: đã trưởng thành, không đề nghị xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Phạm Văn Khoái A khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim L. Bà L có nơi cư trú tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Phạm Văn Khoái A khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim L có yêu cầu phản tố chia tài sản khi ly hôn. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Ngày 10/01/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L có đơn rút lại yêu cầu phản tố đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu phản tố của bà L là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim L.

- Về nội dung:

[5] Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn Khoái A và bà Nguyễn Thị Kim L xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1962 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông Khoái A và bà L tuy không đăng ký kết hôn nhưng do thời điểm ông, bà xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1962 nên có cơ sở xác định hôn nhân của ông Khoái A và bà Kim L là hôn nhân thực tế và hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình chung sống giữa ông, bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, ông Khoái A và bà L không còn chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay. Ông Khoái A xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà L.

Bà L thống nhất với nội dung trình bày của ông Khoái A về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân và quá trình chung sống. Từ năm 1990 đến nay thì bà và ông Khoái A không còn chung sống với nhau, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc ông Khoái A yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông Khoái A và bà L là trầm trọng, cả hai không muốn hàn gắn tình cảm, không thực hiện quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Khoái A là phù hợp với quy định tại Điều 26 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, điểm a Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, Khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 về việc hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000.

[6] Về con chung: ông Khoái A và bà Kim Linh thống nhất có 05 con chung là Phạm Chí T, sinh năm 1964, Phạm Thị Kim T, sinh ngày 06/5/1965, Phạm Chí T, sinh ngày 30/8/1967, Phạm Thanh H, sinh ngày 13/10/1968, Phạm Thị Minh N, sinh năm 1972. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: ông Phạm Văn Khoái A và bà Nguyễn Thị Kim L đã thỏa thuận xong, bà L rút lại yêu cầu phản tố đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: ghi nhận ý kiến của ông Phạm Văn Khoái A, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về chi phí tố tụng: bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu theo quy định tại Khoản 5 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bao gồm:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 4.000.000 đồng theo Danh sách chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/7/2018, 04/6/2020, 28/7/2020, 20/5/2021 nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng bà L đã nộp theo Phiếu thu ngày 27/6/2018, Biên bản giao, nhận chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/4/2020, ngày 26/4/2021. Bà L đã nộp xong.

- Chi phí đo đạc: 2.769.800 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0004289 ngày 25/10/2018, 7.838.600 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014892 ngày 24/11/2020, 6.609.900 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0023268 ngày 31/12/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang. Tổng cộng 17.218.300 đồng, bà L đã nộp xong.

[10] Về án phí: ông Phạm Văn Khoái A là người cao tuổi (91 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 157, 227, 228, 235, 238, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 26 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959.

- Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Khoái A.
- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim L.
- Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Văn Khoái A được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim L.
- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: ghi nhận ông Phạm Văn Khoái A và bà Nguyễn Thị Kim L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Phạm Văn Khoái A và bà Nguyễn Thị Kim L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách bị đơn trong vụ án dân sự khác.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn Khoái A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc: bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 17.218.300 đồng (*Mười bảy triệu, hai trăm mười tám nghìn, ba trăm đồng*) chi phí đo đạc. Bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp xong.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên